

# LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP

## QUYỂN 3

### PHẨM 1: BA PHÁP TRONG PHẦN BẢN SỰ (Phần 3)

Thế nào là duyên? Có bao nhiêu duyên? Vì sao lại quán duyên? Là do nhân, do đẳng vô gián, do sở duyên, do tăng thượng, đó là nghĩa duyên. Tất cả là duyên. Vì xả bỏ chấp trước ngã là nhân, pháp, nên quán sát duyên.

Thế nào là nhân duyên? Là thức A-lại-da và tập khí thiện. Lại nữa, tự tánh, sai khác, giúp đỡ, cùng hành, tăng ích, chướng ngại, nhiếp thọ, là nghĩa nhân duyên.

Tự tánh, là nhân năng tác.

Tự tánh sai khác, là nhân năng tác sai khác, lược có hai mươi thứ:

1. Sinh năng tác, là thức hòa hợp đối với thức.
2. Trụ năng tác, là thức (ăn) đối với đã sinh và cầu sinh hữu tình.
3. Trì năng tác, là đại địa đối với hữu tình.
4. Chiếu năng tác, là đăng (đèn) đối với các sắc.
5. Biến hoại năng tác, là lửa đối với củi.
6. Phân ly năng tác, là lưỡi liềm đối với cái bị cắt.
7. Chuyển biến năng tác, là công xảo trí đối với các vật như vàng bạc v.v...
8. Tín giải năng tác, là khói đối với lửa.
9. Hiển rõ năng tác, là tông nhân dụ đối với sự thành nghĩa.
10. Đẳng chí năng tác, là thánh đạo đối với Niết-bàn.
11. Tùy thuyết năng tác, là danh, tướng, kiến.
12. Quán đãi năng tác, là quán chờ đây đối với kia cầu muốn sinh, như chờ đói khát mà tìm kiếm thức uống ăn.
13. Khiên dẫn năng tác, là duyên cách xa, như vô minh đối với già chết.
14. Sinh khởi năng tác, là duyên lân cận, như vô minh đối với hành.

15. Nhiếp thọ năng tác, là các duyên khác, như do ruộng nước phân đối với hạt lúa sinh.

16. Dẫn phát năng tác, là thuận theo duyên, như quan chánh sự của vua làm cho vua vui vẻ.

17. Định biệt năng tác, là duyên sai khác, như duyên năm cõi đối với quả năm cõi.

18. Đồng sự năng tác, là duyên hòa hợp, như căn không hoại cảnh giới hiện tiền, tác ý chánh khởi đối với thức đã sinh.

19. Tương vi năng tác, là duyên chướng ngại, như mưa đá đối với giống lúa.

20. Bất tương vi năng tác, là duyên không chướng ngại, như lúa giống không chướng ngại.

Giúp đỡ, là các pháp cùng có chung mà sinh thì không thiếu giảm, như bốn Đại chủng và sắc được tạo ra, tùy theo sự thích ứng của nó.

Cùng hành, là các pháp cùng có cùng hành sở duyên, không có khuyết giảm, như tâm, tâm sở.

Tăng ích, là đời trước tu pháp thiện, bất thiện và vô ký, có thể khiến cho đời sau các pháp thiện... Lần lượt tăng thặng, sinh khởi mãi về sau.

Chướng ngại, là tùy chỗ tập quen các phiền não, tùy chỗ có hoặc đều được tăng trưởng nối nhau vững chắc, khiến cho sự nối tiếp xa lánh Niết-bàn.

Nhiếp thọ, là pháp bất thiện và thiện hữu lậu có thể nhiếp thọ tự thể.

Thế nào là duyên đẳng vô gián? Là khoảng giữa không có ngăn cách, vì đều không gián đoạn. Đồng phần, dị phần, tâm, tâm sở sinh, vì đều không gián đoạn.

Thế nào là duyên sở duyên? Là có cảnh sai khác ở sở duyên, không có cảnh sai khác ở sở duyên, không có cảnh của hành tướng khác ở sở duyên, có cảnh của hành tướng khác ở sở duyên, có cảnh của sự ở sở duyên, không cảnh của sự ở sở duyên, sự ở sở duyên, phân biệt ở sở duyên, có điên đảo ở sở duyên, không điên đảo nơi sở duyên, có ngại ở sở duyên, vô ngại ở sở duyên, đó là nghĩa duyên sở duyên.

Thế nào là duyên tăng thượng? Là nhậm trì tăng thượng, dẫn phát tăng thượng, câu hữu tăng thượng, cảnh giới tăng thượng, sản sinh tăng thượng, trụ trì tăng thượng, thọ dụng quả tăng thượng, thế gian thanh tịnh ly dục tăng thượng, xuất thế thanh tịnh ly dục tăng thượng. Đó là nghĩa duyên tăng thượng .

Thế nào là đồng phần bỉ đồng phần? Có bao nhiêu đồng phần bỉ đồng phần? Vì sao lại quán đồng phần bỉ đồng phần? Là không lìa thức mà tướng kia tự như căn đối với cảnh nối tiếp sinh, lìa tựa tướng thức, tự nối nhau sinh. Đó là nghĩa đồng phần bỉ đồng phần. Một phần của sắc uẩn, một phần của năm hữu cội Sắc xứ như nhân... là đồng phần bỉ đồng phần. Để xả chấp trước tương ưng với thức và bất tương ưng là ngã, nên quán sát đồng phần bỉ đồng phần.

Thế nào là chấp thọ? Có bao nhiêu chấp thọ? Vì sao lại quán chấp thọ? Thọ sinh chỗ nương là sắc, là nghĩa chấp thọ. Một phần của sắc uẩn, toàn phần của năm hữu sắc, giới, xứ và một phần của bốn xứ là chấp thọ. Để xả chấp trước thân tự tại chuyển là ngã, nên quán sát chấp thọ.

Thế nào là căn? Có bao nhiêu căn? Vì sao lại quán căn? Là giữ lấy cảnh tăng thượng, chủng tộc bất đoạn tăng thượng, chúng đồng phần trụ tăng thượng, thọ dụng nghiệp tịnh bất tịnh quả tăng thượng, thế gian lìa dục tăng thượng, xuất thế lìa dục tăng thượng, đó là nghĩa căn. Toàn phần của thọ uẩn và thức uẩn, một phần sắc uẩn và hành uẩn, toàn phần mười hai giới, sáu xứ và một phần của pháp giới pháp xứ là căn. Để xả chấp trước tăng thượng là ngã, nên quán sát căn.

Thế nào là tánh khổ khổ? Có bao nhiêu tánh khổ khổ? Vì sao lại quán tánh khổ khổ? Là tự tướng khổ thọ, tự tướng thuận theo khổ thọ pháp, là nghĩa của tánh khổ khổ. Một phần của tất cả là tự tánh của khổ khổ. Để xả bỏ chấp trước hữu khổ là ngã, nên quán sát tánh khổ khổ.

Thế nào là tánh khổ hoại? Có bao nhiêu tánh khổ hoại? Vì sao lại quán tánh khổ hoại? Là tự tướng lạc thọ biến hoại, thuận theo lạc thọ tự tướng của pháp biến hoại, đối với tâm bị ái biến hoại, là nghĩa của tánh khổ hoại. Một phần của tất cả là tánh khổ hoại. Để xả bỏ chấp trước hữu lạc là ngã, nên quán sát tánh khổ hoại.

Thế nào là tánh khổ hành? Có bao nhiêu tánh khổ hành? Vì sao lại quán tánh khổ hành? Là tự tướng bất khổ bất lạc thọ, tự tướng thuận theo bất khổ bất lạc thọ, đối với sự nhiếp thọ của hai thứ thô nặng, không lìa chỗ tùy thuộc không an ổn của hai vô thường, là nghĩa của tánh khổ hành. Trừ một phần trong ba giới, hai xứ và các uẩn, tất cả là tánh khổ hành. Để xả chấp trước hữu bất khổ bất lạc là ngã, nên quán sát tánh khổ hành.

Thế nào là hữu dị thực? Có bao nhiêu hữu dị thực? Vì sao lại quán hữu dị thực? Là hữu lậu bất thiện và thiện là hữu dị thực. Một phần của mười giới, bốn xứ và các uẩn là hữu dị thực. Để xả bỏ chấp trước khả



năng xả bỏ, nối tiếp các uẩn là ngã, nên quán sát hữu dị thực. Lại nữa, dị thực, là chỉ có thức A-lại-da và pháp tương ứng, ngoài ra chỉ có dị thực sinh phi dị thực.

Thế nào là thực (ăn)? Có bao nhiêu thực? Vì sao lại quán thực? Là biến hoại, có biến hoại là cảnh giới, có cảnh giới là hy vọng, có hy vọng là thủ, có thủ nghĩa là thực. Một phần của ba uẩn, mười một giới, năm xứ là thực. Để xả chấp trước do thực trụ ngã, nên quán sát thực. Lại nữa, kiến lập thực sai khác lược có bốn thứ:

1. Bất tịnh dựa vào chỉ trụ thực.
2. Tịnh bất tịnh dựa vào chỉ trụ thực.
3. Thanh tịnh dựa vào trụ thực.

4. Thị hiện trụ thực (trụ thật dựa vào bất tịnh. Trụ thật dựa vào tịnh, bất tịnh.trụ thật dựa vào thanh tịnh và trụ thật thị hiện)

Thế nào là hữu thượng? Có bao nhiêu hữu thượng? Vì sao lại quán hữu thượng? Là tất cả hữu vi, một phần của vô vi, là nghĩa có thượng. Trừ một phần pháp giới pháp xứ ra, tất cả là vô thượng. Để xả chấp trước sự thấp kém là ngã, nên quán sát hữu thượng.

Thế nào là vô thượng? Có bao nhiêu vô thượng? Vì sao lại quán vô thượng? Một phần vô vi là nghĩa của vô thượng, một phần pháp giới pháp xứ là hữu thượng. Để xả bỏ chấp trước sự tối thắng là ngã, nên quán sát vô thượng.

Do điều nói về lý sai khác này, môn vô lượng khác có thể quán sát tương tự. Lại nữa, uẩn giới xứ sai khác lược có ba thứ:

1. Tướng sai khác của biến kế sở chấp.
2. Tướng sai khác của sự phân biệt.
3. Tướng sai khác của pháp tánh.

Thế nào là tướng sai khác của biến kế sở chấp? Là biến kế sở chấp ngã trong uẩn giới xứ, là mạng, hữu tình, là sinh, là dưỡng, là sắc thủ, là ý sinh, là Ma-nạp-bà (thiếu niên)..

Thế nào là tướng sai khác của sự phân biệt? Tức là pháp uẩn giới xứ.

Thế nào là tướng sai khác của pháp tánh? Tức là vô tánh của ngã và hữu tánh của vô ngã trong uẩn giới xứ.

Lại có bốn thứ sai khác:

1. Tướng sai khác.
2. Phân biệt sai khác.
3. Y chỉ sai khác.
4. Nối nhau sai khác.

Thế nào là tướng sai khác? Là uẩn giới xứ mỗi mỗi tự tướng sai khác.  
 Thế nào là phân biệt sai khác? Tức là thật có và giả có trong uẩn giới xứ.  
 Thế tục có, thắng nghĩa có, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến. Vô lượng sai khác, như vậy có phân biệt nói như trước.

Thế nào là y chỉ sai khác? Là cho đến chỗ nương sai khác của hữu tình có như vậy, phải biết uẩn giới xứ cũng thế.

Thế nào là nối nhau sai khác? Là mỗi sát-na uẩn giới xứ chuyển biến.

Đối với tướng sai khác thiện xảo thì rõ biết pháp nào? Là nhận biết rõ tội lỗi của ngã chấp. Đối với phân biệt sai khác thiện xảo thì nhận biết rõ pháp nào? Là nhận biết rõ lỗi lầm nhóm tướng. Đối với y chỉ sai khác thiện xảo thì nhận biết rõ pháp nào? Là biết rõ không tạo mà được, tuy làm nhưng mất lỗi của tướng. Đối với nối nhau sai khác thiện xảo thì biết rõ pháp nào? Là biết rõ lỗi an trụ trong tướng.

Lại nữa, uẩn giới xứ có sáu thứ sai khác:

1. Ngoại môn sai khác.
2. Nội môn sai khác.
3. Trường thời sai khác.
4. Phần hạn sai khác.
5. Tạm thời sai khác.
6. Hiện thị sai khác.

Thế nào là ngoại môn sai khác? Là đa phần cõi Dục sai khác.

Thế nào là nội môn sai khác? Là tất cả định địa.

Thế nào là trường thời sai khác? Là các dị sinh.

Thế nào là phần hạn sai khác? Là các bậc Hữu học, trừ sát-na sau cuối nơi uẩn giới xứ thuộc bậc Vô học khác.

Thế nào là tạm thời sai khác? Là sát-na sau cùng nơi uẩn giới xứ thuộc các bậc Vô học.

Thế nào là hiện thị sai khác? Là sự thị hiện uẩn giới xứ của các Đức Phật và các Đức Bồ-tát đã đạt rốt ráo.

-----